

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp dịch vụ kiểm định thiết bị, dụng cụ theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp dịch vụ kiểm định thiết bị, dụng cụ của hệ thống kỹ thuật trong Bệnh viện năm 2025-2027

2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.

3. Thời gian cung cấp dịch vụ: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

4. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

5. Địa điểm thực hiện: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP.HCM

6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 6 tháng.

7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.

8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 10 giờ, ngày 09/5/2025

9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:

- Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;

- Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Quản trị tòa nhà, Hầm 2 khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP.HCM.

Người liên hệ: Anh Đức Số điện thoại: 028.39525150

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);

+ Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đầu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, QTTN (J16-195-dtthuy) (3).

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN TRỊ TÒA NHÀ



Nguyễn Anh Tuấn



PHỤ LỤC. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT
(Đính kèm Công văn số/BVĐHYD-QTTN ngày ... tháng năm 2025)

I) Phạm vi cung cấp

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
1	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E1	lần	2
2	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E2	lần	2
3	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E3	lần	2
4	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E4	lần	2
5	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E5	lần	2
6	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E6	lần	2
7	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E7	lần	2
8	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E8	lần	2
9	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E9	lần	2
10	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E10	lần	2
11	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E11	lần	2
12	Kiểm định thang cuốn ESC1	lần	2
13	Kiểm định thang cuốn ESC2	lần	2
14	Kiểm định thang chuyển hàng số 1	lần	1
15	Kiểm định thang chuyển hàng số 2	lần	1
16	Kiểm định thang chuyển mẫu bệnh phẩm	lần	1
17	Kiểm định an toàn bình chịu áp lực loại 120 lít	lần	1
18	Kiểm định an toàn bình chịu áp lực loại 240 lít	lần	1
19	Kiểm định an toàn áp kế kho gas, bếp ăn và áp kế bình chịu áp lực 120 lít, 240 lít	lần	2
20	Kiểm định van an toàn đường ống dẫn gas lỏng của kho gas, bếp ăn và van an toàn bình chịu áp lực 120 lít, 240 lít	lần	2
21	Kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống đường ống dẫn khí đốt bằng kim loại (295m)	lần	1
22	Kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống lạnh trung tâm chiller công suất: 320.3 tấn lạnh (969.219,091 kcal/h)	lần	1
23	Kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống lạnh trung tâm chiller công suất: Công suất: 411.9 tấn lạnh (1.246.398,200 kcal/h)	lần	1
24	Đo điện trở nối đất chống sét	lần	2

II) Yêu cầu kỹ thuật

1. Giải thích số lượng kiểm định năm 2025-2027 cho mỗi thiết bị:

Stt	Danh mục	Số thiết bị kiểm định	Đơn vị tính	Số lượng thực hiện
1	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E1	1	lần	2
2	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E2	1	lần	2
3	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E3	1	lần	2
4	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E4	1	lần	2
5	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E5	1	lần	2
6	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E6	1	lần	2
7	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E7	1	lần	2
8	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E8	1	lần	2
9	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E9	1	lần	2
10	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E10	1	lần	2
11	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E11	1	lần	2
12	Kiểm định thang cuốn ESC1	1	lần	2
13	Kiểm định thang cuốn ESC2	1	lần	2
14	Kiểm định thang chuyển hàng số 1	1	lần	1
15	Kiểm định thang chuyển hàng số 2	1	lần	1
16	Kiểm định thang chuyển mẫu bệnh phẩm	1	lần	1
17	Kiểm định an toàn bình chịu áp lực loại 120 lít	1	lần	1
18	Kiểm định an toàn bình chịu áp lực loại 240 lít	1	lần	1
19	Kiểm định an toàn áp kế kho gas, bếp ăn và áp kế bình chịu áp lực 120 lít, 240 lít	21	lần	2
20	Kiểm định van an toàn đường ống dẫn gas lỏng của kho gas, bếp ăn và van an toàn bình chịu áp lực 120 lít, 240 lít	6	lần	2
21	Kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống đường ống dẫn khí đốt bằng kim loại (295m)	1	lần	1
22	Kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống lạnh trung tâm chiller công suất: 320.3 tấn lạnh (969.219,091 kcal/h)	2	lần	1
23	Kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống lạnh trung tâm chiller công suất: 411.9 tấn lạnh (1.246.398,200 kcal/h)	2	lần	1
24	Đo điện trở nối đất chống sét	3	lần	2

2. Thời gian kiểm định cho 2 năm 2025 - 2027

Stt	Danh mục	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Thời gian hết hiệu lực kiểm định	Ngày kiểm định tiếp theo
1	Thang máy E1	Tải trọng: 1600 kg Số điểm dừng: 17 điểm dừng	14/09/2025	14/09/2025 và 14/09/2026
2	Thang máy E2	Tải trọng: 1600 kg Số điểm dừng: 17 điểm dừng	14/09/2025	14/09/2025 và 14/09/2026
3	Thang máy E3	Tải trọng: 1600 kg Số điểm dừng: 15 điểm dừng	26/07/2025	26/07/2025 và 26/07/2026
4	Thang máy E4	Tải trọng: 1000 kg Số điểm dừng: 15 điểm dừng	21/09/2025	21/09/2025 và 21/09/2026
5	Thang máy E5	Tải trọng: 1000 kg Số điểm dừng: 17 điểm dừng	26/07/2025	26/07/2025 và 26/07/2026
6	Thang máy E6	Tải trọng: 1000 kg Số điểm dừng: 17 điểm dừng	26/07/2025	26/07/2025 và 26/07/2026
7	Thang máy E7	Tải trọng: 1000 kg Số điểm dừng: 17 điểm dừng	26/07/2025	26/07/2025 và 26/07/2026
8	Thang máy E8	Tải trọng: 1000 kg Số điểm dừng: 17 điểm dừng	14/09/2025	14/09/2025 và 26/07/2026
9	Thang máy E9	Tải trọng: 1000 kg Số điểm dừng: 17 điểm dừng	14/09/2025	14/09/2025 và 26/07/2026
10	Thang máy E10	Tải trọng: 650 kg Số điểm dừng: 5 điểm dừng	26/07/2025	26/07/2025 và 26/07/2026
11	Thang máy E11	Tải trọng: 650 kg Số điểm dừng: 5 điểm dừng	26/07/2025	26/07/2025 và 26/07/2026
12	Thang cuốn ESC1	Mật độ 9000 người/giờ Hoạt động từ trệt đến lầu 1	23/09/2025	23/09/2025 và 23/09/2026
13	Thang cuốn ESC2	Mật độ 9000 người/giờ Hoạt động từ trệt đến lầu 1	23/09/2025	23/09/2025 và 23/09/2026
14	Thang chuyển hàng số 1 (CSSD)	Tải trọng: 100 kg Số điểm dừng: 2 điểm dừng	22/09/2025	22/09/2025
15	Thang chuyển hàng số 2 (CSSD)	Tải trọng: 100 kg Số điểm dừng: 2 điểm dừng	22/09/2025	22/09/2025
16	Thang chuyển mẫu bệnh phẩm (Xét nghiệm)	Tải trọng: 100 kg Số điểm dừng: 13 điểm dừng	22/09/2025	22/09/2025
17	Bình chịu áp lực (loại bình 120 lít)	Bình chịu áp lực 120 lít	01/03/2026	01/03/2026
18	Bình chịu áp lực (loại 240 lít)	Bình chịu áp lực 240 lít	01/03/2026	01/03/2026
19	Áp kế kho gas, bếp ăn và áp kế bình	- 5 vị trí tại phòng chứa bình gas tầng trệt khu A	31/10/2025	31/10/25 và 31/10/26

Stt	Danh mục	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Thời gian hết hiệu lực kiểm định	Ngày kiểm định tiếp theo
	chịu áp lực 120 lít, 240 lít	- 5 vị trí tại phòng máy hóa hơi tầng trệt khu A - 4 vị trí tại bếp chính tầng 3 khu A - 2 vị trí tại bếp khách tầng 3 khu A - 3 vị trí tại bếp nhân viên tầng 4 khu A		
20	Van an toàn đường ống dẫn gas lỏng của kho gas, bếp ăn và van an toàn bình chịu áp lực 120 lít, 240 lít	- 2 vị trí tại phòng chứa bình gas tầng trệt khu A - 2 vị trí tại phòng máy hóa hơi tầng trệt khu A	14/10/2025	14/10/2025 và 14/10/2026
21	Hệ thống đường ống dẫn khí đốt bằng kim loại	- Đường kính ống: 2", 1", 1-1/2" - Áp suất làm việc: 8,0/1,4/0,3 bar - Môi chất làm việc: LPG - Tổng chiều dài: 295 m Hạng mục kiểm tra: - Vị trí lắp đặt, khoảng cách - Chiều sáng vận hành - Sàn, cầu thang - Hệ thống chống sét, tiếp đất - Giá đỡ, dây treo - Tình trạng kim loại ống - Tình trạng mối hàn, mối nối - Hệ van, phụ tùng đường ống - Máy hóa hơi - Van điều áp của 2 cấp - Van điện từ - Đầu dò khí rò rỉ - Thiết bị đo lường, bảo vệ, an toàn (tủ điện) và tự động	01/03/2026	01/03/2026
22	Kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống máy trung tâm chiller công suất: 320.3 tấn lạnh (969.219,091 kcal/h)	- Máy lạnh Chiller 1.1 và Chiller 1.2: 02 cái - Nhãn hiệu: Trane - Công suất: 320.3 tấn lạnh (969.219,091 kcal/h)	14/10/2026	14/10/2026
23	Kiểm định kỹ thuật an toàn máy lạnh trung tâm chiller công suất: Công suất: 411.9 tấn lạnh (1.246.398,200 kcal/h)	- Máy lạnh Chiller 2.1 và Chiller 2.2: 02 cái - Nhãn hiệu: Trane - Công suất: 411.9 tấn lạnh (1.246.398,200 kcal/h)	14/10/2026	14/10/2026

Stt	Danh mục	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Thời gian hết hiệu lực kiểm định	Ngày kiểm định tiếp theo
24	Đo điện trở nổi đất chống sét	- 2 vị trí đo tại khu A - 1 vị trí đo tại khu B	03/10/2025	03/10/2025 và 03/10/2026

3. Yêu cầu thực hiện dịch vụ

- Nhà thầu thực hiện kiểm định phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

- Đáp ứng các yêu cầu sau (Lưu ý: Các tiêu chuẩn thực hiện căn cứ theo tiêu chuẩn hiện hành theo quy định - cập nhật theo văn bản có hiệu lực tại thời điểm thực hiện):

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật
1	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E1, E2, E3, E4, E5, E6, E7, E8, E9	Thực hiện theo QTKĐ: 02-2021/BLĐTBXH qui trình kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy
2	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E10, E11	
3	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang cuốn ESC1, ESC2	Thực hiện theo QTKĐ: 25-2016/ BLĐTBXH qui trình kiểm định kỹ thuật an toàn thang cuốn, bang tải chở người.
4	Kiểm định thang chuyển hàng số 1, 2	Thực hiện theo QTKĐ: 23-2016/ BLĐTBXH qui trình kiểm định thang máy chở hàng
5	Kiểm định thang chuyển mẫu bệnh phẩm	
6	Kiểm định an toàn bình chịu áp lực loại 120 lít và 240 lít	Thực hiện theo QTKT :07-2016/ BLĐTBXH
7	Kiểm định an toàn áp kế kho gas, bếp ăn và áp kế bình chịu áp lực 120 lít, 240 lít	Thực hiện theo đúng văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam ký hiệu ĐLVN 08:2011 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam thuộc Bộ Khoa học Công nghệ
8	Kiểm định van an toàn đường ống dẫn gas lỏng của kho gas, bếp ăn và van an toàn bình chịu áp lực 120 lít, 240 lít	Thực hiện theo đúng Tiêu chuẩn đánh giá quốc gia: TCVN 7915-1:2009 của Bộ Khoa học Công nghệ
9	Kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống đường ống dẫn khí đốt bằng kim loại	Thực hiện theo đúng quy trình kiểm định, tiêu chuẩn: QTKĐ: 05-2017/BCT, API 570, API 574
10	Kiểm định kỹ thuật an toàn	Thực hiện theo Quy trình kiểm định 08-

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật
	hệ thống lạnh trung tâm chiller công suất: 320.3 tấn lạnh (969.219,091 kcal/h)	2016/BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội
11	Kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống lạnh trung tâm chiller công suất: Công suất: 411.9 tấn lạnh (1.246.398,200 kcal/h)	
12	Đo điện trở chống sét	Thực hiện theo đúng Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9385: 2012 (BS 6651:1999) về chống sét cho công trình xây dựng - hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống

4. Yêu cầu khác

- Nhà thầu chịu trách nhiệm thuê tải, vận chuyển tải để kiểm định các thang máy.
- Nhà thầu phải có đầy đủ phương tiện, thiết bị để thực hiện kiểm định các hạng mục.
- Nhà thầu phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến công tác kiểm định cho tất cả các hạng mục.
- Nhà thầu hoàn thiện lý lịch thiết bị (nếu có yêu cầu).
- Nhà thầu phải cung cấp và trả kết quả kiểm định bằng các biện pháp tối thiểu sau: tem, giấy chứng nhận, biên bản kiểm định đáp ứng theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật, đảm bảo có kết quả đúng thời hạn kiểm định đối với từng thiết bị.

CÔNG TY:
ĐỊA CHỈ:
SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Theo công văn mời chào giá số/BVĐHYD-QTTN của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

TT	Danh mục	Yêu cầu dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
1	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E1		lần	2		
2	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E2		lần	2		
3	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E3		lần	2		
4	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E4		lần	2		
5	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E5		lần	2		
6	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E6		lần	2		
7	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E7		lần	2		
8	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E8		lần	2		
9	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E9		lần	2		
10	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E10		lần	2		
11	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy E11		lần	2		
12	Kiểm định thang cuốn ESC1		lần	2		
13	Kiểm định thang cuốn ESC2		lần	2		



TT	Danh mục	Yêu cầu dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
14	Kiểm định thang chuyển hàng số 1		lần	1		
15	Kiểm định thang chuyển hàng số 2		lần	1		
16	Kiểm định thang chuyển mẫu bệnh phẩm		lần	1		
17	Kiểm định an toàn bình chịu áp lực loại 120 lít		lần	1		
18	Kiểm định an toàn bình chịu áp lực loại 240 lít		lần	1		
19	Kiểm định an toàn áp kế kho gas, bếp ăn và áp kế bình chịu áp lực 120 lít, 240 lít		lần	2		
20	Kiểm định van an toàn đường ống dẫn gas lỏng của kho gas, bếp ăn và van an toàn bình chịu áp lực 120 lít, 240 lít		lần	2		
21	Kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống đường ống dẫn khí đốt bằng kim loại (295m)		lần	1		
22	Kiểm định kỹ thuật an toàn máy lạnh trung tâm chiller công suất: 320.3 tấn lạnh (969.219,091 kcal/h)		lần	1		
23	Kiểm định kỹ thuật an toàn máy lạnh trung tâm chiller công suất: 411.9 tấn lạnh (1.246.398,200 kcal/h)		lần	1		
24	Đo điện trở nối đất chống sét		lần	2		
Tổng cộng						

❖ Yêu cầu kỹ thuật: Theo phụ lục thư mời chào giá.

❖ Yêu cầu báo giá:

- Báo giá này có hiệu lực⁽¹⁾ ngày kể từ ngày báo giá.
- *Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.*
- Các yêu cầu khác:

Ngày ... tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 (Ký tên và đóng dấu)

¹: khuyến cáo tối thiểu 06 tháng kể từ ngày chào giá.